TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM ĐỘNG
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 09/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 30.7.2020
"V/v yêu cầu giải quyết ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN .

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Ngô Thị Lai và ông Trần Hồng Thái.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Ngọc Huy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Kim Động xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc "yêu cầu giải quyết ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 01/2020/TB - TA ngày 19/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐHPT ngày 10/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Văn K** - sinh năm 1977 (có mặt).

2. Bị đơn: **Chị Vương Thị T** - sinh năm 1981 (vắng mặt).

Đều có nơi cư trú: thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. Những người làm chứng:

+ Bà Trần Thị U, sinh năm 1955 (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Đều trú tại: thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Ông Vương Toàn H, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Trú tại: thôn Bắc N, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2019 và các lời khai tại Toà án của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn K yêu cầu giải quyết ly hôn và con chung, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K và chị Vương Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 18/01/2000. Sau khi kết hôn, anh K và chị T về chung sống cùng nhau. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một năm đầu thì phát mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống và cách nuôi dạy con chung. Anh K phải đi làm vất vả để lo kinh tế gia đình nhưng chị T không chia sẻ với anh. Chị T luôn đặt mọi gánh nặng kinh tế cho anh. Mặt khác, chị T thường xuyên tỏ ra ghen tuông vô cớ nên làm ảnh hưởng đến uy tín và công việc làm ăn của anh. Do quá bức xúc nên năm 2002 anh K đã đi vào Miền Nam làm ăn và sống ly thân với chị T, đến năm 2012 nộp đơn xin ly hôn chị T ra Tòa án nhân dân huyện Kim Động để giải quyết. Tòa án nhân dân huyện Kim Động đã giải quyết cho anh K được ly hôn với chị T bằng bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2012/LHST ngày 13/01/2012, sau đó Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đã kháng nghị bản án của Tòa án nhân dân huyện Kim Động. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã xét xử phúc thẩm và quyết định không chấp nhận đơn khởi kiện của anh K bằng Bản án số 08/2012/HNGĐ - PT ngày 26/4/2012. Sau khi không được Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh K và chị T cũng không về chung sống cùng nhau và tiếp tục sống ly thân với nhau cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người ấy lo. Nay anh K xác định mâu thuẫn của vợ chồng giữa anh và chị T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh tiếp tục đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động cho anh được ly hôn với chị T để sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: anh K và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 21/02/2001. Hiện cháu P đã thành niên nên anh K không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ và ruộng canh tác: Anh K tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Vương Thị T trình bày thống nhất với lời khai của anh Nguyễn Văn K về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Theo chị T thì vợ chồng chị chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 07 năm thì bắt đầu bị rạn nứt về tình cảm. Lý do dẫn đến rạn nứt tình cảm là do anh K đi làm ăn ở bên ngoài và có quan hệ với người phụ nữ khác. Khi vợ chồng bị rạn nứt về tình cảm thì chị có nói chuyện với anh Kiên nhưng anh K không nói chuyện với chị và từ đó giữa chị và anh K không gặp nhau nữa. Chị xác nhận giữa chị và anh K còn có bất đồng nhau về kinh tế đó là việc anh K không đưa tiền cho chị để nuôi con. Năm 2011, anh K nói không còn tình cảm với chị nên anh K nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án giải quyết ly hôn với chị. Tòa án nhân huyện Kim Động giải quyết cho anh K được ly hôn với chị, sau đó Viện

kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên kháng nghị bản án và Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm như anh K đã trình bày. Quá trình diễn biến cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh K sau khi không được Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên chấp nhận cho anh K ly hôn với chị như anh K trình bày là đúng. Chị xác định hiện nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được nên chị nhất trí ly hôn với anh K.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị T đến Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa chị T và anh K nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do.

* Người làm chứng là bà Trần Thị U (mẹ đẻ của anh K), ông Vương Toàn H (bố đẻ của chị T), anh Nguyễn Văn P (con của anh K và chị T) trình bày như sau:

Bà U và ông H trình bày về thời gian và địa điểm kết hôn giữa anh K và chị T như anh K, chị T đã trình bày. Về lý do mâu thuẫn giữa anh K và chị T thì bà U và ông H đều xác nhận việc vợ chồng anh K và chị T mâu thuẫn là do anh Kiên có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Còn việc anh K quan hệ ngoại tình như thế nào ông, bà đều không nắm được cụ thể. Nay anh K xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị T và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh K được ly hôn với chị. Về tài sản chung: Bà U và ông H không nắm được. Về công sức bà U và ông H đều xác định anh K và chị T không có công sức đóng gì đối với gia đình ông, bà. Quan điểm của bà U và ông H đều đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh K, chị T và theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn P là con của anh K và chị T trình bày: Việc bố, mẹ anh mâu thuẫn với nhau như thế nào anh không nắm được vì thời gian đó anh còn nhỏ tuổi chưa nhận thức được. Anh cũng xác định bố anh có quan hệ với người phụ khác, cụ thể như thế nào anh không nắm được. Anh xác định anh không có liên quan gì đến tài sản và có đóng góp công sức gì đối với bố, mẹ anh. Nay bố anh xin ly hôn với mẹ anh. Quan điểm của anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng của bố, mẹ anh.

* UBND xã P cung cấp như sau: Anh K và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào ngày 18/01/2000. Quá trình chung sống giữa anh K và chị T có xảy ra mâu thuẫn, còn mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được. Việc anh K có quan hệ ngoại tình, địa phương cũng không biết vì chị T cũng như gia đình anh K không trình báo. Nay anh K đề nghị Tòa án giải quyết cho anh K được ly hôn với chị T, Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn anh K vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với chị T, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung.

Chị T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án đúng quy định của pháp luật, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, đương sự được triệu tập đúng thành phần, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật , đảm bảo được quyền lợi của đương sự tại phiên tòa. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình ; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn K.

+ Về quan hệ hôn nhân : Xử cho anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Vương Thị T.

+ Về con chung và tài sản chung , công nợ, ruộng canh tác và công sức: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Anh K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án , Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho chị Vương Thị T hợp lệ. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị T là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân : Anh Nguyễn Văn K và chị Vương Thị T kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 18/01/2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong làm ăn kinh tế và không có sự tin tưởng lẫn nhau. Năm 2011 anh K đã làm đơn xin ly hôn chị T ra Tòa án nhưng không được chấp nhận. Sau khi Tòa án bác đơn khởi kiện, anh K và chị T không chung sống cùng nhau và không có sự liên lạc gì với nhau. Anh K giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị T, chị T nhất trí ly hôn với anh K. Ông H, bà U, anh P đều xác định anh K và chị Thủy không còn tình cảm vợ chồng với nhau, đã sống ly thân nhiều năm và không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Xét thấy, đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, giải quyết cho anh K được ly hôn chị T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh K và chị T có một con chung là Nguyễn Văn P, sinh ngày 21/02/2001, hiện nay đã thành niên. Anh K, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức: Anh K và chị T đều tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Về quan hệ hôn nhân***:*** Xử cho anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Vương Thị T.

Về con chung và tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức: Không đặt ra xem xét.

Về án phí***:*** Anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0001698 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Anh K đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Người có mặt được tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Oanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (Phòng KTNV & THAHS);
- VKSND, Chi cục THADS huyện;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.